|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: /TTr-BTC   |  | | --- | | ***Dự thảo 2*** | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính thuế, hóa đơn**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan soạn thảo dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (sau đây xin được gọi tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính xin trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định này như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH:**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 trong đó đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, cụ thể bổ sung: nguyên tắc xử phạt trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn (sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn không đúng quy định) dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; quy định về biên bản vi phạm hành chính điện tử; quy định miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế cho người nộp thuế (bao gồm cả cá nhân và tổ chức); quy định không xử phạt vi phạm hành chính đối với người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Đặc biệt bổ sung quy định xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập Phụ lục thông tin quan hệ liên kết và giao dịch liên kết nhưng cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền khi thanh tra, kiểm tra kết luận số liệu thanh tra, kiểm tra khác với số liệu đã khai của người nộp thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn. Tại Chương XV Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết các Điều 138 (hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả); Điều 139 (thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế); Điều 140 (Miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế); Điều 141 (Hành vi vi phạm về thủ tục thuế); Điều 146 (Xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế).

Đồng thời, tại Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 giao Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể đối với từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính.

Trong quá trình thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về thuế hiện nay mức phạt tiền thấp dẫn đến số vụ vi phạm hành chính về thủ tục thuế tăng hàng năm; một số hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn còn trùng lặp, chồng chéo; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn chưa thống nhất, đồng bộ; thủ tục xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính phát hiện qua phương thức điện tử còn nhiều bất cập. Thực tế vừa qua việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn được quy định tại 2 Nghị định khác nhau nên việc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn có nhiều bất cập trong áp dụng nguyên tắc xử phạt cũng như thẩm quyền xử phạt giữa 2 lĩnh vực.

Để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và phù hợp với tình hình thực tế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc xử phạt vi phạm hành chính thuế và hóa đơn thì việc ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn để thay thế Chương I Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (sau đây gọi là Nghị định 129); Chương 4, Điều 44 Chương 5 và các nội dung khác về hóa đơn quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (sau đây gọi là Nghị định 109) và Điều 3 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định 49) là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

Xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn nhằm mục đích hoàn thiện chế tài xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn nhằm:

- Nâng cao ý thức tuân thủ và tự giác chấp hành pháp luật về thuế, quản lý thuế của người nộp thuế, cán bộ thuế, cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính thuế nhằm chống thất thu, giảm nợ thuế, thu đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong xử lý vi phạm hành chính nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, thống nhất, công bằng trong áp dụng pháp luật; đảm bảo đồng bộ trong nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

- Nhằm quy định xử lý những hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn điện tử dự kiến sẽ phát sinh trong thời gian tới khi triển khai thực hiện hóa đơn điện tử trên diện rộng; giải quyết những tồn tại, hạn chế bất cập của các quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hiện hành còn vướng mắc.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Bám sát các nội dung quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, đảm bảo nội dung Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và Quốc hội.

- Đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất giữa quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Đảm bảo tính khả thi dựa trên cơ sở nguyên tắc đơn giản, minh bạch, phù hợp với thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội; phù hợp với tình hình thực tế, chủ trương cải cách thủ tục hành chính và tính khả thi khi triển khai thực hiện.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp với tình hình thực tiễn tạiChương I Nghị định số 129; Chương 4, Điều 44 Chương 5 và các nội dung khác về hóa đơn quy định tại Nghị định số 109 và Điều 3 Nghị định số 49.

- Bổ sung nội dung về thủ tục hành chính (như trình tự thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và các biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn) hiện nay đang hướng dẫn tại Thông tư vào dự thảo Nghị định.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính đã triển khai các công việc sau:

1. Ban hành Quyết định số 2199/QĐ-BTC ngày 30 tháng 10 năm 2019 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định. Ban soạn thảo do lãnh đạo Bộ Tài chính làm Trưởng ban; thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ngân hàng nhà nước, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội tư vấn thuế và đại diện một số đơn vị thuộc Bộ Tài chính.
2. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tiến hành rà soát các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hiện hành, xác định những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thời gian vừa qua để xây dựng dự thảo Nghị định. Các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã thảo luận, góp ý, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
3. Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Công thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính (từ ngày 18/12/2019) để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 15406/BTC-TCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
4. Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định (Bảng tiếp thu, giải trình ý kiến trình kèm) và hoàn thiện dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định (Công văn số /BTC-TCT ngày tháng năm 2020).
5. Ngày…, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định (Báo cáo thẩm định và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định trình kèm).

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về bố cục**

Bố cục của dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn gồm 5 chương với 50 điều, cụ thể như sau:

*- Chương I. Những quy định chung:* gồm 7 điều (từ Điều 1 đến Điều 7) quy định về các nội dung: phạm vi điều chỉnh, đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính; giải thích từ ngữ; nguyên tắc xử phạt; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thời hiệu xử phạt; những trường hợp không xử phạt.

*- Chương II.* *Quy định xử lý hành vi vi phạm hành chính về thuế:* gồm 10 điều (từ Điều 8 đến Điều 17) quy định về hành vi vi phạm và mức xử phạt đối với các hành vi: vi phạm về thời hạn đăng ký thuế, thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh, thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn; vi phạm về thời hạn thông báo thay đổi thông tin trong đăng ký thuế; khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn; vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế; vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế; vi phạm quy định về chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn; trốn thuế; vi phạm hành chính của ngân hàng thương mại, bên bảo lãnh nộp tiền thuế; vi phạm hành chính về thuế đối với tổ chức, cá nhân liên quan.

- *Chương III. Quy định xử lý hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn:* gồm 12 điều (từ Điều 18 đến Điều 29) quy định về hành vi vi phạm và mức xử phạt đối với các hành vi: vi phạm quy định về đặt in hóa đơn; vi phạm quy định về in hóa đơn đặt in; cho, bán hóa đơn; vi phạm quy định về phát hành hóa đơn;vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ; vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập; làm mất, cháy, hỏng hóa đơn; vi phạm quy định về hủy hóa đơn; vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn; vi phạm quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế; vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử; vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

* *Chương IV. Thẩm quyền xử phạt; thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt*: gồm 18 điều (từ Điều 30 đến Điều 47) quy định về thẩm quyền xử phạt của cơ quan thuế, chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (huyện, tỉnh), cơ quan thanh tra; phân định thẩm quyền xử phạt; trình tự, thủ tục xử phạt; thi hành quyết định xử phạt.

*- Chương V. Điều khoản thi hành:* 3 điều (từ Điều 48 đến Điều 50).

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị đinh**

Nội dung dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại Nghị định số 129; Nghị định số 109 và Nghị định số 49 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Luật Xử lý vi phạm hành chính và xử lý những tồn tại, bất cập phát sinh trong thực tế, cụ thể như sau:

**2.1. Chương I quy định chung**

Chương này quy định những vấn đề chung khi xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn như:

- Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Nghị định quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, trình tự thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn *(không áp dụng đối với vi phạm hành chính về phí, lệ phí và vi phạm hành chính về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu và vi phạm quy định về thủ tục đăng ký thuế, thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh, thông báo tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn do người nộp thuế không thuộc trường hợp đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thực hiện).*

- Bổ sung quy định quy định về giải thích từ ngữ trong dự thảo Nghị định (Điều 2), trong đó:

+ Giải thích vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và một số khoản thu cụ thể do cơ quan thuế quản lý thu như: tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

+ Giải thích cụm từ “*sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp*” và “*sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ”* quy địnhtại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Hiện nay Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2019 có quy định về khái niệm về sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn. Tuy nhiên, tại hai Nghị định này đều không có quy định về chứng từ không hợp pháp. Mặt khác, quy định về hóa đơn không hợp pháp tại hai Nghị định nêu trên chưa bao quát được trường hợp hóa đơn xuất sau ngày doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc những hóa đơn mà cơ quan có thẩm quyền xác định là hóa đơn bất hợp pháp. Do đó, tại dự thảo Nghị định này đã bổ sung quy định để giải thích cụm từ “*sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp*” và “*sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ”* để có căn cứ xác định rõ ràng các trường hợp sử dụng hóa đơn chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn chứng từ (bao gồm cả hóa đơn giấy và hóa đơn điện tử) trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính.

- Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính (Điều 3): Quy định rõ hơn về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính “một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt 1 lần” trong lĩnh vực thuế, hóa đơn, xử lý các vướng mắc có tính đặc thù đối với trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của cùng sắc thuế hoặc khai sai nhiều chỉ tiêu trên nhiều hồ sơ khai thuế hoặc chậm nộp nhiều báo cáo về hóa đơn thì chỉ xử phạt đối với 1 hành vi với tình tiết tăng năng vi phạm nhiều lần.

- Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ (Điều 4): quy định về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trên cơ sở dẫn chiếu pháp luật về xử lý vi phạm hành và lượng hóa về tình tiết tăng nặng “có quy mô lớn” phù hợp đặc thù xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn với đề xuất tại dự thảo Nghị định: vi phạm hành chính với số thuế từ 100 triệu đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa từ 500 triệu đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn và vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn.

- Về nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền (Khoản 3 Điều 5): dự thảo Nghị định quy định rõ các hình thức xử phạt vi phạm hành chính thuế gồm: phạt cảnh cáo; phạt tiền; hình phạt bổ sung đình chỉ hoạt động in hóa đơn. Đồng thời, quy định rõ việc giảm trừ khi người nộp thuế vừa có tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc: một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Quy định rõ mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn tại Nghị định này áp dụng đối với tổ chức (mức phạt tiền của cá nhân bằng ½ lần mức phạt tiền đối với tổ chức); bổ sung nguyên tắc xác định mức phạt tiền khi có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được tính tăng hoặc giảm 10% mức phạt trung bình của khung phạt tiền. Đối với hành vi khai thiếu thuế và hành vi trốn thuế thì mức phạt tiền theo quy định cụ thể tại Luật quản lý thuế.

- Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (Điều 6): Luật Quản lý thuế quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế; hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn; hành vi trốn thuế. Tại dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết thời hiệu xử phạt và thời điểm tính thời hiệu xử phạt đối với các hành vi này theo quy định của Luật Quản lý thuế và thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Về thời hạn truy thu thuế (Khoản 3 Điều 6): theo Khoản 3 Điều 137 Luật quản lý thuế 2019 quy định thời hạn truy thu thuế là 10 năm trở về trước kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Tuy nhiên phạm vi điều chỉnh tại dự thảo Nghị định này bao gồm cả các khoản thuế theo pháp luật thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước. Do đó, tại dự thảo Nghị định quy định thời hạn truy thu thuế và các khoản thu khác do tổ chức, cá nhân tự khai, tự nộp vào NSNN là 10 năm theo Khoản 3 Điều 137 Luật quản lý thuế. Riêng các khoản thu từ đất đai hoặc khoản thu khác do cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân thì thời hạn thu thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan nhưng ngắn nhất cũng không dưới 10 năm.

- Về trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế (Điều 7): bổ sung quy định về không xử phạt đối với trường hợp người nộp thuế vi phạm hành chính do thực hiện theo hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế. Đồng thời, bổ sung hướng dẫn rõ về các “văn bản hướng dẫn” của cơ quan thuế thuộc trường hợp người nộp thuế không bị xử phạt: *“Văn bản hướng dẫn của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản này là văn bản hành chính do cơ quan thuế các cấp ban hành hướng dẫn một người nộp thuế cụ thể thực hiện nghĩa vụ thuế trong một tình huống cụ thể.”*

Bổ sung quy định: *“Không xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thủ tục thuế, hóa đơn theo quy định tại Nghị định này khi người nộp thuế thực hiện các giao dịch này bằng phương thức điện tử nhưng do sự cố kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin được Tổng cục Thuế thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.”* để loại trừ không xử phạt do lỗi khách quan.

**2.2. Chương II quy định về hành vi vi phạm hành chính về thuế, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

Về cơ bản, các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 129, sửa đổi bổ sung một số điểm để phù hợp với Luật Quản lý thuế 2019 và tình hình thực tiễn, cụ thể:

1. ***Đối với nhóm hành vi phạm về thủ tục thuế***

Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì mức phạt tối đa đối với một hành vi vi phạm thủ tục thuế là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức. Theo quy định tại Nghị định số 129 thì hiện tại mức xử phạt tiền thấp nhất là 400.000 đồng, mức phạt tiền cao nhất là 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế của tổ chức. Mức phạt tiền này thấp hơn nhiều so với mức tiền phạt tối đa quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm thủ tục thuế theo quy định hiện hành cũng khá thấp so với mức phạt tiền đối với của các hành vi tương tự trong các lĩnh vực có mối liên hệ gần với lĩnh vực thuế, cụ thể:

* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục thuế từ 400.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục hải quan từ 500.000 đồng đến 40.000.000 đồng.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục phí, lệ phí từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục về giá từ 3.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục về kế toán từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Theo số liệu thống kê giai đoạn 2014-20181, số vụ vi phạm về thủ tục thuế tăng mạnh theo từng năm, cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số vụ vi phạm thủ tục thuế** | **Số vụ vi phạm về hóa đơn** |
| 2014 | 34.837 | 10.557 |
| 2015 | 41.017 | 20.955 |
| 2016 | 91.698 | 34.223 |
| 2017 | 103.381 | 27.535 |
| 2018 | 192.174 | 45.513 |

Theo số liệu nêu trên, số lượng vụ việc vi phạm năm 2018 tăng khoảng 5,6 lần so với năm 2014, trong khi số lượng doanh nghiệp hoạt động năm 2018 chỉ tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2014[[1]](#footnote-1). Một trong những nguyên nhân là mức phạt tiền thấp nên chưa đảm bảo tính phòng ngừa, chưa đủ nghiêm khắc để người nộp thuế nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế đối với nghĩa vụ đăng ký thuế và khai các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế.

Tình trạng vi phạm thủ tục tục thuế ngày càng tăng, một mặt tăng áp lực công việc cho ngành thuế do phải dành nguồn lực cho hoạt động xử phạt. Mặt khác, đối với người nộp thuế cũng có những rủi ro tiềm ẩn bị xử phạt ở mức nặng hơn hoặc thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi không nộp hồ sơ khai thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế quá 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Để cải thiện tình trạng này, ngoài việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuế thì việc áp dụng các chế tài đủ mạnh đối với những hành vi vi phạm pháp luật cũng là một công cụ hữu hiệu để để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế, giảm thiểu các trường hợp đáng tiếc khi chậm nộp hồ sơ khai thuế trên 90 ngày với số tiền thuế trên 100.000.000 đồng bị chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xử lý hình sự.

Vì vậy Bộ Tài chính trình Chính phủ nâng mức phạt tiền chung đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục thuế với mức tối thiểu là 500.000 đồng (hiện là 400.000 đồng, tăng 25%) và mức tối đa là 25 triệu đồng (hiện là 5 triệu đồng, tăng 400%). Tốc độ tăng mức phạt tiền cao được tập trung vào nhóm hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế với mức phạt trung bình tăng từ 2-4 lần, các hành vi khác chỉ tăng từ 1 đến gần 2 lần, cụ thể:

*a1) Nhóm hành vi vi phạm quy định về thời hạn đăng ký thuế (Điều 8, 9)*

- Nhóm hành vi này được thiết kế mức xử phạt theo mức độ tăng dần số ngày nộp chậm hồ sơ đăng ký thuế, thông báo quy định về thời hạn đăng ký thuế, thời hạn thông báo ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước hạn với mức phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 10 triệu đồng (Điều 8) và từ 500 nghìn đồng đến 7 triệu đồng (Điều 9), tăng từ 2,13 lần (Điều 9) đến 3,58 lần (Điều 8) mức phạt trung bình hiện hành.

- Bổ sung hành vi vi phạm thời hạn thông báo thời hạn thông báo ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước hạn

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: *buộc nộp hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký thuế; khai lại thông tin trong hồ sơ thuế; nộp hồ sơ khai thuế, mẫu biểu theo quy định; cung cấp thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế.*

*a2) Nhóm hành vi khai sai, khai không đầy đủ nội dung trong hồ sơ khai thuế*

- Nhóm hành vi này có mức phạt tiền tối thiểu là 500.000 đồng, mức phạt tiền tối đa là 12 triệu đồng, tăng 2,68 lần mức phạt trung bình hiện hành, cụ thể:

+ Hành vi khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế bị xử phạt từ 500.000 đồng đến 2.500.000 đồng (Khoản 1, 2 Điều 10).

+ Hành vi khai sai không dẫn đến thiếu thuế hoặc hành vi thuộc trốn thuế nhưng chưa gây hậu quả bị xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng (Khoản 3 Điều 10) với lý do: thực tế nhiều trường hợp người nộp thuế khai sai số thuế đề nghị hoàn, khi cơ quan thuế kiểm tra trước hoàn thuế phát hiện ra số thuế đề nghị hoàn bị sai, mặc dù người nộp thuế chưa nhận được số tiền thuế hoàn nhưng để mức độ vi phạm của hành vi này có tính chất nghiêm trọng hơn hành vi khai sai các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế.

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: *buộc khai lại và nộp bổ sung các tài liệu* ***trong hồ sơ thuế*** *.*

*a3) Nhóm hành vi chậm nộp hồ sơ thuế*

Nhóm hành vi này có mức phạt tiền tối thiểu là 2 triệu đồng, mức tối đa là 25 triệu đồng, tăng 4 lần mức phạt trung bình hiện hành, cụ thể:

- Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền ở mức phạt thấp (từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng) nếu chậm nộp từ 1 đến 30 ngày (Khoản 1, 2 Điều 11). Đối với hành vi chậm nộp từ trên 30 ngày bị xử phạt nặng hơn với mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng (Khoản 3, 4 Điều 11).

- Hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá 90 ngày thuộc hành vi trốn thuế nhưng người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào NSNN trước khi cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra hoặc trước khi lập biên bản thì không bị xử phạt về hành vi trốn thuế nhưng bị xử phạt với mức tiền phạt từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để tương ứng với mức độ, tính chất của hành vi này.

*a4) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin*

Nhóm hành vi này có mức phạt tiền tối thiểu là 2 triệu đồng, mức tối đa là 10 triệu đồng, tăng từ 1,07 đến 1,92 lần mức phạt trung bình hiện hành, cụ thể:

- Hành vi vi phạm về cung cấp thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế bị xử phạt từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng (Điều 12), tăng 1,92 lần mức phạt trung bình hiện hành.

- Hành vi vi phạm quy định chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra bị xử phạt từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (Điều 13), tăng 1,07 mức phạt trung bình hiện hành. Đồng thời, chuyển hành vi không ký biên bản thanh tra, kiểm tra tại khoản 2 về nhóm hành vi tại khoản 1 để phù hợp với mức độ ít nghiêm trọng hơn của hành vi này.

- Bỏ hành vi không chấp hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế vì các quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế của cơ quan có thẩm quyền (ví dụ: quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản, quyết định cưỡng chế hóa đơn...) mà người nộp thuế không thực hiện việc nộp tiền thuế nợ vào NSNN cũng thực hiện phạt tiền thì số lượng người nộp thuế bị xử phạt rất lớn, không phù hợp (người nộp thuế không nộp tiền thuế thì đã bị tính tiền chậm nộp theo quy định và cơ quan thuế sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế tiếp theo, cuối cùng là thu hồi giấy phép kinh doanh), ngoài ra tại điểm a khoản 1 Điều 13 đã quy định xử phạt người nộp thuế không nhận quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

- Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả buộc cung cấp thông tin, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế.

***b) Đối với Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn (Điều 14 dự thảo Nghị định).***

Tại Điều 14 dự thảo Nghị định quy định xử phạt 20% số tiền thuế khai thiếu đối với hành vi: (i) khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ; (ii) khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn đối với giao dịch liên kết nhưng người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập mẫu biểu theo quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết gửi cơ quan thuế; (iii) sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm, nhưng khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, người mua chứng minh được lỗi vi phạm sử dụng hoá đơn bất hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Luật Quản lý thuế 2019.

Dự thảo quy định chi tiết xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp người nộp thuế khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm nhưng người nộp thuế đã tự giác kê khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế (điểm b Điều 14) hoặc trước thời điểm ban hành quyết xử phạt (điểm c Điều 14) thì được áp dụng xử phạt 20% tính trên số thuế khai thiếu nhằm khuyến khích người nộp thuế tự giác tuân thủ pháp luật và hạn chế rủi ro khiếu nại, khởi kiện, cụ thể:

*“b) Khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản này nhưng người nộp thuế đã tự giác kê khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thời hạn thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế;*

*c) Khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm đã bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế xác định là hành vi trốn thuế, nhưng người nộp thuế vi phạm hành chính lần đầu, đã khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thì cơ quan thuế lập biên bản ghi nhận để xác định lại hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế;*

***c) Đối với hành vi trốn thuế (Điều 15 dự thảo Nghị định)***

Điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định mức phạt đối với hành vi trốn thuế từ 1 đến 3 lần số thuế trốn nên Điều 15 dự thảo Nghị định quy định chi tiết về mức phạt tiền đối với hành vi trốn thuế theo tiêu chí tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và phù hợp với nguyên tắc của Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

Phạt 1 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế có từ 1 tình tiết giảm nhẹ trở lên (mức tối thiểu); Phạt 1,5 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế mà không có tình tiết giảm nhẹ hoặc tình tiết tăng nặng (mức trung bình); Đối với các trường hợp trốn thuế có tình tiết tăng nặng sẽ bị phạt 2 lần; 2,5 lần và 3 lần (mức tối đa) tương ứng với trường hợp có có 1, 2 hoặc 3 tình tiết tăng nặng;

Đồng thời quy định chi tiết hành vi *“Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp”* tại khoản 2 Điều 143 Luật quản lý thuế để bao quát hết các trường hợp (có ghi chép sổ kế toán nhưng không khai, khai sai) và để phân biệt với hành vi khai sai đước quy định tại Điều 14 dự thảo như sau:

*“b)* Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không khai, khai sai *dẫn đến thiếu* số *tiền* thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, được miễn, giảm thuế, *trừ hành vi quy định tại Điều 14 Nghị định này*;”

***d) Hành vi của tổ chức, cá nhân liên quan***

Điều chỉnh giảm mức phạt tiền so với Nghị định số 129 đối với tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế quá thời hạn quy định (khoản 1 Điều 17).

**2.3. Chương III quy định về hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

Chương III dự thảo Nghị định quy định trên cơ sở kế thừa hầu như toàn bộ hành vi vi phạm và mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm về hóa đơn tại Nghị định số 109, có sửa đổi một số nội dung và bổ sung quy định về hành vi vi phạm quy định về hóa đơn điện tử với mức phạt tiền tương ứng với mức phạt tiền đối với hóa đơn giấy, đồng thời rà soát, lược bỏ những hành vi trùng lặp và đưa các hành vi tương tự rải rác ở nhiều Điều vào 1 Điều duy nhất, cụ thể:

1. Bỏ quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về tự in hóa đơn, khởi tạo hóa đơn điện tử vì hành vi này chính là hành vi lập hóa đơn đã được quy định tại Điều 22.
2. Điều chỉnh giảm mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về mất, cháy, hỏng hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập (khoản 2, 3 Điều 23): điều chỉnh giảm từ 5 triệu đến 18 triệu đồng xuống còn từ 1 triệu đồng đến 8 triệu đồng cho tương đồng với mức phạt tiền quy định tại Điều 24 và phù hợp với tính chất của hành vi vi phạm.
3. Rà soát, sắp xếp lại một số điều, khoản: Tập hợp các hành vi cho, bán hóa đơn hiện hành quy định rải rác tại nhiều điều thành 01 điều quy định xử phạt về hành vi cho, bán hóa đơn (Điều 20); tập hợp các hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn hiện quy định tại nhiều điều thành 01 điều quy định xử phạt hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn trong thời gian lữu trữ; sắp xếp lại các hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn thành 01 điều (Điều 22); rà soát, bố cục lại hành vi theo hướng chỉ xử phạt đối với hành vi cung cấp phần mềm hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc sinh số tự động và hành vi cung cấp phần mềm tự in hóa đơn không đảm bảo nguyên tắc theo quy định.
4. Bổ sung một số hành vi để xử phạt đối với hành vi vi phạm về hóa đơn điện tử như: lập hóa đơn điện tử tử máy tính tiền không có kết nối, chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế; chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quá thời hạn quy định; chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử không đầy đủ số lượng hóa đơn đã lập trong kỳ; cung cấp phần mềm hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc sinh số tự động.

**2.4. Chương IV quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn**

**a**. Quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của những người có thẩm quyền thuộc cơ quan thuế, cơ quan thanh tra và ủy ban nhân dân, trong đó:

- Quy định chi tiết thẩm quyền xử phạt của công chức thuế, đội trưởng đội thuế và thủ trưởng cơ quan thuế các cấp trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

- Bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt của một số chức danh: Chủ tịch Ủy ủy ban nhân dân cấp huyện, tỉnh; Thanh tra viên; Chánh thanh tra Sở Tài chính; Trưởng đoàn thanh tra Cục Thuế, Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính; Chánh thanh tra Bộ Tài chính có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thủ tục thuế và hóa đơn theo theo quy định tại Điều 38 và Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính.

**b. Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**

Nội dung về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn được xây dựng trên cơ sở phù hợp quy định về trình tự, thủ tục xử phạt và theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và phù hợp với thực tiễn đặc thù của ngành Thuế là việc xử phạt chủ yếu là kết quả của quá trình xử lý sau thanh tra, kiểm tra thuế. Bổ sung biểu mẫu xử phạt được sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

**V. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ NGÀNH VÀ NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ngày 18/12/2019, Bộ Tài chính đã có Công văn số 15406/BTC-TCT gửi dự thảo Nghị định lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, đồng thời đăng tải trển Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Công thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp cũng như người dân. Cho đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được tổng số 59 ý kiến tham gia, trong đó có 19 ý kiến của các Bộ, ngành, 38 ý kiến của các địa phương và ý kiến của doanh nghiệp, người dân với vai trò là người nộp thuế (tham gia thông qua Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam). Các ý kiến tham gia đã được Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu tại Phụ lục đính kèm.

*Tài liệu trình kèm gồm:*

1. Dự thảo nghị định;
2. Báo cáo thẩm định;
3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị định;
5. Bản đánh giá thủ tục hành chính.

Trên đây là nội dung của dự thảo Nghị định quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành Nghị định./.

***Nơi nhận*** **BỘ TRƯỞNG**

- Như trên;

- Văn phòng Tổng Bí thư;

- Văn phòng Chính phủ;

- Bộ Tư pháp;

- Lưu: VT; TCT(VT, PC(02b)).

**Đinh Tiến Dũng**

1. Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh tại thời điểm năm 2014 là 482.199 doanh nghiệp; năm 2018 là 697.595 doanh nghiệp *(Nguồn: Tổng cục Thuế).* [↑](#footnote-ref-1)